

Tổng cục Thống kê

Vụ Thống kê Dân số và Lao động

Điều tra Lao động việc làm: Quý 4, 2014

Ngày công bố: 23/01/2015

Các chỉ tiêu chính	Quý 4 năm 2013	Quý 3 năm 2014	Quý 4 năm 2014
Lực lượng lao động (nghìn người)	53 699	54 307	54 426
Lao động có việc làm (nghìn người)	52 793	53 258	53 440
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (%)	77,5	77,9	77,96
Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động (%)	2,63	2,30	2,32
Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động (%)	1,90	2,17	2,05
Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (%)	5,95	7,02	6,17
Tỷ trọng lao động làm công ăn lương (%)	35,6	35,1	36,4

Ghi chú: Số liệu so sánh theo quý có thể bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ. Các chỉ tiêu trên được tính cho những người từ 15 tuổi trở lên, trừ chỉ tiêu tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động được tính cho nữ từ 15-54 tuổi và nam từ 15-59 tuổi và tỷ lệ thất nghiệp thanh niên được tính cho những người từ 15-24 tuổi.

Xu hướng chính (so với cùng kỳ năm ngoái)

- Lực lượng lao động tăng khoảng 727 nghìn người (hay 1,34%) và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng nhẹ đạt mức 77,96%.
- Số người có việc làm tăng khoảng 647 nghìn người (hay 1,22%), vẫn tập trung chủ yếu vào 2 ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ.
- Tỷ lệ thiếu việc làm giảm từ 2,63% xuống 2,32%.
- Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động tăng nhẹ, từ 1,9% tới 2,05%, và tỷ lệ thất nghiệp thanh niên cũng theo đó tăng lên, từ 5,95% tới 6,17%.
- Tỷ trọng lao động làm công ăn lương trong tổng số lao động có việc làm tăng nhẹ đạt mức 36,4%.

Công bố tiếp theo

Kết quả sơ bộ điều tra Lao động việc làm Quý 1 năm 2015 sẽ được công bố vào ngày 20 tháng 4 năm 2015.

Rà soát lại số liệu quý 3 năm 2014 LDVL

	Số Dung	Số chạy kiểm tra	Số thêm
Lực lượng lao động 15+ (nghìn người)		54285627	54317818
Lao động có việc làm 15+ (nghìn người)		53237422	53237422
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 15+ (%)		78.2	78.3
Tỷ lệ thiếu việc làm theo giờ 15+ (%)		2.18	2.18
Tỷ lệ thất nghiệp độ tuổi (%)		2.17	2.24
Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên 15-24 (%)		7.03	7.17
Tỷ trọng lao động làm công ăn lương (%)		35.1	35.1

Các chỉ tiêu chủ yếu của thị trường lao động

Các chỉ tiêu	Q4-2013	Q4-2014
Dân số 15 tuổi trở lên (nghìn người)	69 256	70058
Nam	33 589	34022
Nữ	35 667	36036
Lực lượng lao động (nghìn người)	53 699	54426
Nam	27 639	27969
Nữ	26 060	26458
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (%)	77,5	77,96
Nam	82,3	82,64
Nữ	73,1	73,56
Số người có việc làm (nghìn người)	52793	53440
Nam	27165	27462
Nữ	25628	25978
Khu vực kinh tế		
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	24156	24183
Công nghiệp và xây dựng	11540	11943
Dịch vụ	17087	17308
KXD	10	7
Vị thế việc làm		
Chủ cơ sở	1174	1073
Tự làm	24 250	21599
Lao động gia đình	8 548	11283
Làm công ăn lương	18 804	19462
Xã viên hợp tác xã	4	10
KXD	14	12
Tỷ lệ thiếu việc làm theo giờ (%)	2,52	2,22
Nam	2,61	2,28
Nữ	2,42	2,15
Thành thị	1,23	1,17
Nông thôn	3,07	2,66
Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động (%)	2,63	2,32
Thành thị	1,28	1,20
Nông thôn	3,23	2,82
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	1,69	1,81
Nam	1,71	1,81
Nữ	1,66	1,81
Thành thị	2,93	2,93
Nông thôn	1,14	1,33
Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi (%)	1,90	2,05
Thành thị	3,19	3,21
Nông thôn	1,30	1,52
Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (%)	5,95	6,17
Thành thị	11,17	10,43
Nông thôn	4,26	4,69
Tiền lương bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương	4119	4397
Nam	4291	4576
Nữ	3872	4144
Thành thị	4876	5139
Nông thôn	3528	3807

Ghi chú: Số liệu so sánh theo quý có thể bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ. Các chỉ tiêu trên được tính cho những người từ 15 tuổi trở lên, trừ chỉ tiêu tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động được tính cho nữ từ 15-54 tuổi và nam từ 15-59 tuổi và tỷ lệ thất nghiệp thanh niên được tính cho những người từ 15-24 tuổi.